

CÔNG TY CỔ PHẦN VIROBO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIROBO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIROBO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIROBO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107947153

3. Ngày thành lập: 03/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 24B, tổ dân phố 7 , Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438823366

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
2.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
3.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
4.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
5.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
6.	Sản xuất máy luyện kim	2823
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Môi giới	4610
9.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
10.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
11.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

12.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
13.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
15.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
16.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp;	1709
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
18.	Sản xuất giày dép	1520
19.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
21.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
22.	Sản xuất xe có động cơ	2910
23.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
24.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
27.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
29.	Bán buôn tổng hợp	4690
30.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
37.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

38.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
39.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
40.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
42.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
43.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
44.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
45.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610(Chính)
46.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
47.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
48.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
49.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
50.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
51.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
52.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
53.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
54.	Cổng thông tin	6312
55.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
57.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề	8532
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
61.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất đồng hồ	2652
64.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
65.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
66.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
67.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
68.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

69.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất xe kéo bằng động vật: xe lừa kéo, xe tang; - Xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị, và tương tự.	3099
70.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
71.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
72.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
73.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
74.	Xây dựng nhà các loại	4100
75.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
79.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
80.	Bốc xếp hàng hóa	5224
81.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
82.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
83.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
84.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
85.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
86.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
87.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
88.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
89.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
90.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
91.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
92.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
93.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
94.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
95.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
96.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
97.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221

99.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
101.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
102.	Bán buôn thực phẩm	4632
103.	Bán buôn đồ uống	4633
104.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
105.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
106.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
107.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
108.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
109.	Xuất bản phần mềm	5820
110.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
111.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
112.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
113.	Lập trình máy vi tính	6201
114.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
115.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
116.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
117.	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	Thôn Tổng Xá, Xã Yên Xá, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	163095835	
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
2	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	Thôn Lạc Đô, Xã Thiệu Vận, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	15,000	172258622	
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	15,000		
3	LÊ HỮU TRÍ	Thôn 8, Xã Quảng Bình, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	172848432	
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		
4	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	1630-CT10B KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	108.000	1.080.000.000	12,000	0370850016 81	
			Tổng số	108.000	1.080.000.000	12,000		
5	PHẠM XUÂN HẢI	Thôn 1, Xã Trung Lập, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	15,000	031538248	
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	15,000		
6	PHẠM TUẤN ANH	Thôn Bằng Bộ, Xã Cao Thắng, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	342.000	3.420.000.000	38,000	B4927112	
			Tổng số	342.000	3.420.000.000	38,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM TUẤN ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/09/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B4927112

Ngày cấp: 09/03/2011

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bằng Bộ, Xã Cao Thắng, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 09 ngõ 01 đường Nguyễn Thị Định, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội